

Số: 202/2018/CV-TCHC
V/v: Công bố BCTC quý 1/2018 và giải trình chênh
lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2018 so với quý
1/2017

-----oOo-----
Lào Cai, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
 2. Mã chứng khoán: ND2
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
 4. Điện thoại: 0214 3501 540 Fax: 0214 3906 661
 5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
 6. Nội dung công bố thông tin:
 - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 1 năm 2018 kết thúc ngày 31/3/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2018 so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 kèm theo.
 7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 1/2018 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2018 so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính
ngày 31 tháng 03 năm 2018



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp
Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hữu Ngọc
Ông Nguyễn Thành Phương
Ông Nguyễn Việt Dũng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận
Ông Nguyễn Hải Đăng
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Thanh Huân
Ông Nguyễn Xuân Dũng
Ông Nguyễn Doãn Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 3 đến trang 23 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		153.118.166.041	205.055.943.899
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	100.860.169.035	147.147.151.062
Tiền	111		2.860.169.035	122.147.151.062
Các khoản tương đương tiền	112		98.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.771.934.561	34.833.351.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.657.962.648	26.181.154.807
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.688.948.721	3.027.830.759
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.425.023.192	5.624.365.793
Hàng tồn kho	140	8	22.486.062.445	23.040.287.501
Hàng tồn kho	141		22.486.062.445	23.040.287.501
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	35.153.977
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	35.153.977
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		1.762.699.704.591	1.778.016.012.314
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.060.670.918	18.060.670.918
Phải thu dài hạn khác	216	9	18.060.670.918	18.060.670.918
Tài sản cố định	220		1.725.711.073.105	1.743.570.284.992
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.725.711.073.105	1.743.570.284.992
Nguyên giá	222		1.953.637.940.997	1.953.637.940.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227.926.867.892)	(210.067.656.005)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.591.790.092	4.986.048.028
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	5.591.790.092	4.986.048.028
Tài sản dài hạn khác	260		13.336.170.476	11.399.008.376
Chi phí trả trước dài hạn	261		13.336.170.476	11.399.008.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.915.817.870.632	1.983.071.956.213
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.343.393.804.890	1.318.212.302.714
Nợ ngắn hạn	310		179.134.737.517	113.953.235.341
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.070.803.828	4.880.013.103

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 201 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018 VND	1/1/2018 VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	10.251.260.008	6.215.757.160
Phải trả người lao động	314		1.031.842.293	4.955.733.040
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.897.942.869	3.849.433.194
Phải trả ngắn hạn khác	319	15(a)	94.198.237.886	3.952.489.798
Vay ngắn hạn	320	16(a)	66.888.000.000	89.184.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.796.650.633	915.809.046
Nợ dài hạn	330		1.164.259.067.373	1.204.259.067.373
Phải trả dài hạn khác	337	15(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	16(b)	1.164.238.067.373	1.204.238.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)	400		572.424.065.742	664.859.653.499
Vốn chủ sở hữu	410	17	572.424.065.742	664.859.653.499
Vốn cổ phần	411	19	499.939.607.633	499.939.607.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		499.939.607.633	499.939.607.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.388.399.680	14.388.399.680
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.096.058.429	150.531.646.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.122.518.186	37.939.820.383
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.973.540.243	112.591.825.803
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.915.817.870.632	1.983.071.956.213

Ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	01	20	68.925.861.476	51.090.599.620	68.925.861.476	51.090.599.620
Giá vốn hàng bán	11	11	31.137.299.486	30.085.428.878	31.137.299.486	30.085.428.878
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		37.788.561.990	21.005.170.742	37.788.561.990	21.005.170.742
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	671.154.245	198.532.978	671.154.245	198.532.978
Chi phí tài chính	22	22	27.872.305.088	31.995.930.137	27.872.305.088	31.995.930.137
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.840.666.209	31.771.273.042	27.840.666.209	31.771.273.042
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	5.429.315.754	4.324.561.134	5.429.315.754	4.324.561.134
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		5.158.095.393	(15.116.787.551)	5.158.095.393	(15.116.787.551)
Thu nhập khác	31		77.210.126	18.048.439	77.210.126	18.048.439
Chi phí khác	32		-	-	-	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		77.210.126	18.048.439	77.210.126	18.048.439
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.235.305.519	(15.098.739.112)	5.235.305.519	(15.098.739.112)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	261.765.276	-	261.765.276	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		4.973.540.243	(15.098.739.112)	4.973.540.243	(15.098.739.112)
Lãi trên cổ phiếu	70					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu						

Ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Hiếu
 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp

Đình Tuấn Anh
 Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ung Hồng Vận
 Ung Hồng Vận
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 03 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.235.305.519	112.591.825.803
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		17.859.211.887	71.466.491.234
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.123.456	270.494.962
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		671.154.245	2.440.971.192
Chi phí lãi vay	06		27.840.666.209	134.154.591.571
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.618.461.316	320.924.374.762
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(4.901.861.608)	(5.345.890.818)
Biến động hàng tồn kho	10		(554.225.056)	(4.687.828.816)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		78.475.170.701	9.615.370.314
Biến động chi phí trả trước	12		1.937.162.100	331.979.385
			126.574.707.453	320.838.004.827
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.675.975.313)	(143.255.049.434)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.559.158.413)	(4.046.596.605)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.339.573.727	173.536.358.788
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		-	(7.915.406.573)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	-
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(123.184.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		50.184.000.000	65.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		671.154.245	1.117.860.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(72.328.845.755)	58.202.454.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho ngày 31 tháng 03 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	88.389.049.680
Tiền thu từ đi vay	33		-	48.241.150.132
Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.296.000.000)	(230.969.441.388)
Tiền trả cổ tức	36		(1.001.709.999)	(27.103.178.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.297.709.999)	(121.442.419.956)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(46.286.982.027)	110.296.392.906
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	147.147.151.062	36.850.758.156
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	100.860.169.035	147.147.151.062

Ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Thị Hiếu
 Kế toán tổng hợp


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Ung Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ nhà điều hành thủy điện	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh là sản xuất điện và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.117.243.671	1.030.376.267
Tiền gửi ngân hàng	1.742.925.364	121.116.774.795
Các khoản tương đương tiền	98.000.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	100.860.169.035	147.147.151.062
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	157.435.190
Các khoản chi hộ	-	-
Tạm ứng	4.789.307.145	4.791.427.145
Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai	-	-
Phải thu khác	18.696.386.965	675.503.458
	23.485.694.110	5.624.365.793

9. Hàng tồn kho

	31/03/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.370.838.336	-	1.386.615.225	-
Công cụ và dụng cụ	21.115.224.109	-	21.653.672.276	-
	22.486.062.445	-	23.040.287.501	-

10. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm đất thuê (tại xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm 1 tháng 8 năm 2013 cho số tiền Công ty đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất kể trên. Tiền thuê đất này đang được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.382.953.270.060	66.050.959	562.850.0611.933	7.768.008.045	1.953.637.940.997
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm do quyết toán công trình (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.382.953.270.060	66.050.959	562.850.0611.933	7.768.008.045	1.953.637.940.997
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	207.837.644.785	77.695.656	430.090.339	1.722.225.225	210.067.656.005
Khấu hao trong năm	17.749.648.023	-	-	109.563.864	17.859.211.887
Số dư cuối năm	225.587.292.808	77.695.656	430.090.339	1.831.789.089	227.926.867.892
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.175.115.625.275	(11.644.697)	562.420.521.594	6.045.782.820	1.743.570.284.992
Số dư cuối năm	1.157.365.977.252	(11.644.697)	562.420.521.594	5.936.218.956	1.725.711.073.105

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2018 VND	01/01/2018 VND
Số dư đầu năm	4.986.048.028	4.797.657.322
Tăng trong năm	605.742.064	5.280.329.846
Giảm do quyết toán công trình	-	(1.533.107.301)
Xóa sổ	-	(3.558.831.839)
Giảm khác	-	-
	5.591.790.092	4.986.048.028
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:		
	31/03/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án Ngòi Phát mở rộng	5.591.790.092	4.986.048.028
	5.591.790.092	4.986.048.028

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/03/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	2.078.650.878	2.078.650.878	2.078.650.878	2.078.650.878
Công ty truyền tải điện 1	-	-	659.406.458	659.406.458
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	567.805.757	567.805.757	567.805.757	567.805.757
Công ty TNHH MTV Đức Thiện	-	-	526.400.506	526.400.506
Công ty Cổ phần Vimeco	13.500.306	13.500.306	13.500.306	13.500.306
Công ty TNHH tư vấn CN Lào Cai	153.894.269	153.894.269	-	-
Các nhà cung cấp khác	256.952.618	256.952.618	1.034.249.198	1.034.249.198
	3.070.803.828	3.070.803.828	4.880.013.103	4.880.013.103

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/03/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.983.167.890	7.545.087.182	5.852.577.796	4.675.677.276
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	261.765.276	62.311.889	199.453.387
Thuế thu nhập cá nhân	993.857.663	1.830.838.079	415.486.203	2.409.209.539
Thuế tài nguyên	2.238.731.607	5.570.810.681	4.842.622.482	2.966.919.806
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
	6.215.757.160	15.211.501.218	11.175.998.370	10.251.260.008

Trong đó:

	31/03/2018 VND	1/1/2018 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	(35.153.977)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.251.260.008	6.215.757.160
	10.251.260.008	6.180.603.183

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi vay phải trả	1.897.942.869	3.849.433.194

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2018	1/1/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	163.343.986	136.409.824
Bảo hiểm xã hội	123.356.075	-
Bảo hiểm y tế	21.768.722	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.674.986	-
Phải trả về cổ tức	89.715.496.658	728.078.657
Phải trả quỹ phát triển rừng	2.331.086.328	2.808.595.564
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.833.511.131	279.405.753
	94.198.237.886	3.952.489.798

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/03/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2018		Biến động trong năm		31/03/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	110.094.959.852	(132.390.959.852)	66.888.000.000	66.888.000.000
	89.184.000.000	89.184.000.000	110.094.959.852	(132.390.959.852)	66.888.000.000	66.888.000.000

(b) Vay dài hạn

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	499.939.607.633	14.388.399.680	62.596.173.723	576.924.181.036
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	112.591.825.803	112.591.825.803
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	150.531.646.186	664.859.653.499
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.973.540.243	4.973.540.243
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.440.000.000)	(6.440.000.000)
Cổ tức	-	-	(89.989.128.000)	(89.989.128.000)
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	(980.000.000)	(980.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	499.939.607.633	14.388.399.680	58.096.058.429	572.424.065.742

11/1 6 2018 14/11

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/03/2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
Cổ phiếu phát hành trong năm	8.464.310	84.643.100.000	8.464.310	84.643.100.000
Số dư cuối năm	49.993.960	499.939.607.633	49.993.960	499.939.607.633

20. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	671.154.245	1.117.860.647
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	190.570.372
	671.154.245	1.308.431.019

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Chi phí tài chính

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.840.666.209	134.154.591.571
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	270.494.962
Chi phí tài chính khác	31.638.879	406.312.361
	<hr/>	<hr/>
	27.872.305.088	134.831.398.894
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.927.954.248	17.818.715.898
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	35.458.136	82.303.016
Chi phí khấu hao	949.540.179	467.899.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.103.056	4.085.357.335
Chi phí khác	1.362.260.135	6.714.962.830
	<hr/>	<hr/>
	5.429.315.754	29.169.238.221
	<hr/>	<hr/>

24. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	31/03/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.235.305.519	112.591.825.803
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	261.765.276	22.518.365.161
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	1.895.554.853
Miễn thuế	-	(24.413.920.014)
	<hr/>	<hr/>

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các miễn giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

25. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Hiếu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc



Số: 201 CBTT/2018/ND2

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 1/2018 so với quý 1/2017.

Lào Cai, ngày 16 tháng 04 năm 2018

GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2018 kết thúc ngày 31/03/2018 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 trong đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2018 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2017 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 1 năm 2018 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **4.973.540.243 đồng**; Quý 1 năm 2017 là âm: - **15.098.739.112 đồng**, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2018 tăng so với lợi nhuận quý 1 năm 2017:

Nguyên nhân tăng do:

1. Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa. Thủy văn quý 1/2018 mưa nhiều hơn so với thủy văn quý 1/2017 đã làm cho sản lượng điện quý 1/2018 tăng so với sản lượng điện quý 1/2017.
2. Doanh thu bán điện Quý 1/2018 là: 68.925.861.476 đồng, doanh thu bán điện quý 1/2017 là: 51.090.599.620 đồng. Do vậy, doanh thu bán điện quý 1/2018 tăng so với doanh thu bán điện quý 1/2017 là: 17.835.261.856 đồng tương đương tăng 34,91% doanh thu bán điện.
3. Giá vốn hàng bán quý 1/2018 tăng 1.051.870.608 đồng so với giá vốn hàng bán quý 1/2017 do chi phí sản xuất chung tăng theo doanh thu bán điện của nhà máy.
4. Chi phí lãi vay quý 1/2018 giảm 3.930.606.833 đồng so với chi phí lãi vay quý 1/2017, chi phí lãi vay giảm do trả nợ gốc vay trong kỳ tương ứng giảm chi phí lãi vay trong kỳ.

Bốn nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 1/2018 lãi 4.973.540.243 đồng so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 lỗ (15.098.739.112) đồng.

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2018 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.



Người đại diện theo Pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ung Hồng Vân